|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**Số: /2019/TT-BTC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh**

*Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh:**

**1. Bổ sung Điều 4a như sau:**

**“Điều 4a. Hệ thống quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài**

***1. Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Hệ thống).***

***2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến việc hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài với cơ quan hải quan thông qua Hệ thống theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.***

***3. Các đối tượng được truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống:***

***a) Cơ quan hải quan, công chức hải quan;***

***b) Doanh nghiệp đăng ký tham gia bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài (người bán hàng);***

***c) Tổng cục Thuế***

***d) Kho bạc Nhà nước***

***e) Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài***

***g) Các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Tổng cục Hải quan.***

***4. Cấp tài khoản truy cập Hệ thống:***

***a) Các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này được cấp tài khoản truy cập Hệ thống theo quy định của cơ quan hải quan;***

***b) Việc truy cập Hệ thống phải đảm bảo đúng thẩm quyền, đảm bảo bí mật nhà nước, bí mật thông tin theo quy định của pháp luật.***

***5. Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống phải đáp ứng các điều kiện sau:***

***a) Đăng ký tham gia (với Tổng cục cục Hải quan) kết nối với Hệ thống để được cấp tài khoản truy cập và các thông tin kết nối. Khi có thay đổi, bổ sung hoặc hủy hiệu lực thông tin đăng ký, tổ chức, cá nhân phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan. Việc đăng ký, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy thông tin đăng ký thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;***

***b) Trang bị đầy đủ về hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động giao dịch điện tử đảm bảo cho việc khai báo, truyền, nhận, lưu trữ thông tin khi truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống; sử dụng phần mềm hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài do cơ quan hải quan cung cấp (nếu có) hoặc phần mềm hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài đã được Tổng cục Hải quan kiểm tra và xác nhận phù hợp yêu cầu nghiệp vụ của cơ quan hải quan. Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định công nhận phần mềm quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài và công bố trên Cổng thông tin điện tử của ngành Hải quan”.***

**2. Khoản 2, khoản 6, khoản 8 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*“*2. Đăng ký việc bán hàng đúng địa chỉ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng*.****Trường hợp có điều chỉnh hoặc chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế thì phải thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư này”***

6. Căn cứ các thông tin trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh còn giá trị và hàng hoá người nước ngoài mua, doanh nghiệp bán hàng lập hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế cho hàng hóa thuộc đối tượng hoàn thuế giá trị gia tăng đáp ứng quy định tại Điều 11 Thông tư này ***trên hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài,nhập***đầy đủ thông tin theo mẫu quy định tại ***Phụ lục 3 Thông tư này, in ra***, giao cho người nước ngoài 01 liên dùng cho khách hàng.

8. Tham gia vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế ***theo quy định tại Điều 4a, Phụ lục IV Thông tư này***, ***sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn tại Phụ lục III Thông tư này và có trách nhiệm lập******hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư này trên hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài*** ***với các thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời”.***

         **3. Khoản 9 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

         “9. Tham gia, ***kết nối, cập nhật thông tin*** vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế ***theo quy định tại Điều 4a và Phụ lục IV Thông tư này***”.

**4. Khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

***“****4.****Tổng cục Hải quan***tiếp nhận hồ sơ, trình Bộ Tài chính lựa chọn Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế theo đúng quy định tại Điều 15 Thông tư này***và tiếp nhận hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, trình Bộ Tài chính lựa chọn sân bay, cảng biển quốc tế áp dụng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đảm bảo hiệu quả hoàn thuế, đáp ứng yêu cầu quản lý.***

*5.*Cập nhật thông tin về người nước ngoài và số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn vào*~~cơ sở dữ liệu về~~****hệ thống quản lý***hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài ***theo quy định tại Phụ lục IVThông tư này***.

*7.*Xây dựng*, q****uản lý, vận hành, khai thác và sử dụng****hệ thống quản lý*hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế ***theo quy định tại Điều 4a Thông tư này****”.*

**5. Khoản 2, khoản 8 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“**2. Tiếp nhận hồ sơ, lựa chọn doanh nghiệp bán hàng theo đúng quy định tại Điều 13 Thông tư này***. Thực hiện công khai Danh sách doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành văn bản công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 14 Thông tư này và cập nhật vào hệ thống hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài.***

*8.*Tham gia*,****kết nối***vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế ***theo quy định tại Điều 4a và Phụ lục IV Thông tư này***”.

**6. Khoản 5 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“**5. Tham gia, ***kết nối*** vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo phương thức điện tử của cơ quan quản lý thuế ***theo quy định tại Điều 4a và Phụ lục IV Thông tư này***”

**7. Khoản 3 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*“3. Doanh nghiệp không tham gia vào hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài hoặc****không lập******hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư này trên hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài*** ***với các thông tin không đầy đủ, chính xác, kịp thời, cơ quan hải quan không có đủ cơ sở để hoàn thuế hoặc****~~Trường hợp~~doanh nghiệp**vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng tại Thông tư này, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế:*

*a) Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản thông báo chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế cho doanh nghiệp, đồng thời gửi cơ quan hải quan, ngân hàng thương mại và các đơn vị có liên quan;*

*b) Doanh nghiệp tháo bỏ Biển thông báo doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đã dán tại cửa hàng khi chấm dứt bán hàng hoàn thuế”*.

**8. Khoản 1 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“***1****. Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế lập, sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này và in hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế từ hệ thống quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài.***

Việc in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế thực hiện theo quy định tại***Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ****;*Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ”.

**9. Khoản 2 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa tại quầy kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa. Việc kiểm tra thực hiện như sau:

a) Đối chiếu xác định từng nội dung khớp đúng giữa thông tin ghi trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh với thông tin trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và các quy định về hàng hoá được hoàn thuế quy định tại Điều 11 Thông tư này;***Trường hợp hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa có dấu hiệu nghi ngờ hoặc hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế ghi không đầy đủ thông tin theo quy định thì cơ quan hải quan trao đổi với doanh nghiệp bán hàng để nắm thông tin cụ thể;***

b) Kiểm tra thực tế hàng hóa đối với hàng hoá phải kiểm tra thực tế theo nguyên tắc quản lý rủi ro;

c) Ghi kết quả kiểm tra; xác định mặt hàng, tính số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn theo quy định tại Điều 12 Thông tư này; ký, đóng dấu xác nhận đã kiểm tra vào hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế;

d) Cập nhật thông tin về người nước ngoài, số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn vào ~~cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan~~ ***hệ thống quản lý***~~về~~ hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 Thông tư này*”.*

**10. Khoản 3, Khoản 4 Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“**3. Căn cứ Quyết định thanh toán và Lệnh hoàn trả do Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại đăng ký, khai thuế ban hành, Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho ngân hàng thương mại. ***Nguồn tiền thanh toán được chi từ dự toán hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng***

4. Việc hạch toán và luân chuyển chứng từ thực hiện theo quy định ***tại Điều 19 Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 31/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 và khoản 3 Điều 59 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính”***

**11. Các Phụ lục được sửa đổi, bổ sung như sau:**

- Thay thế Phụ lục 7 Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 bằng Phụ lục I Thông tư này.

- Bổ sung thêm Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng 09 năm 2019.

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Quốc Hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Tòa án Nhân dân Tối cao;- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;- Công báo; - Website Chính phủ;- Website Bộ Tài chính;- Website Tổng cục Hải quan;- Lưu: VT; TCHQ (20). | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG**     **Vũ Thị Mai** |